

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Kết quả rèn luyện	1112	454	357	301
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	70.32%	54.63%	75.35%	88.04%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	22.12%	29.74%	21.01%	11.96%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	6.29%	13.00%	3.08%	0.00%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	1.26%	2.64%	0.56%	0.00%
II	Kết quả học tập	1111	454	356	301
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	13.68%	6.61%	13.48%	24.58%
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	43.92%	29.96%	51.40%	56.15%
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	36.99%	52.42%	32.30%	19.27%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	5.40%	11.01%	2.81%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1112	454	357	301
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	120.86%	87.44%	96.64%	100.00%
a	HS Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	1.71%	1.54%	1.12%	2.66%
b	HS Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	11.96%	5.07%	12.32%	21.93%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4.86%	9.91%	2.52%	0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6.12%	12.56%	3.08%	0.00%
4	Chuyển trường đến /đi	28	19	8	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Số học sinh bỏ học	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	HS đạt giải các kỳ thi HS giỏi	2	0	0	2
1	Cấp tỉnh/ thành phố	2	0	0	2
2	Quốc gia, khu vực, quốc tế	0	0	0	0
V	Số HS dự thi tốt nghiệp	301	0	0	301
VI	Số HS đỗ tốt nghiệp	299	0	0	299
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ ĐH, cao đẳng	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nữ	606	236	194	176
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	15	7	4	4

Ngày 19 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Tạ Hoàng Anh